

Số: /ĐHQGHN-ĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

V/v tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ trong
công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo
trình độ tiến sĩ của ĐHQGHN

Kính gửi: Các đơn vị đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), ĐHQGHN hướng dẫn các đơn vị đào tạo tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ được sử dụng trong công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ như sau:

Người dự tuyển từ khóa tuyển sinh năm 2022 trở đi hoặc các nghiên cứu sinh được bảo vệ cấp cơ sở (hoặc seminar đánh giá tổng thể luận án) từ ngày 01/01/2022 phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) quy định tại Phụ lục của văn bản này, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc nộp hồ sơ bảo vệ cấp cơ sở (hoặc seminar đánh giá tổng thể luận án).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo

(nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN xem xét quyết định.

Văn bản này thay thế cho công văn số 3798/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/11/2021.

ĐHQGHN thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, Ban ĐT, N2.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Hải

Phụ lục

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQGHN

(Kèm theo công văn số /ĐHQGHN-ĐT ngày tháng năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội)

Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC (4 kỹ năng) | Cambridge Exam | Aptis (Hội đồng Anh) | Vietnamese Standardized Test of English Proficiency |
|-----------------------------|-------|-------------------|---|--|----------------------|---|
| Bậc 4 | 5.5 | 543 ITP 72 iBT | Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150 | B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160 | B2 (General) | VSTEP.3-5 (6.0) |

Một số thứ tiếng khác

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | tiếng Nga | tiếng Pháp | tiếng Đức | tiếng Trung | tiếng Nhật | tiếng Hàn |
|-----------------------------|-----------|--------------------|---|--------------|---|---------------------|
| Bậc 4 | TPKI-2 | DELFL B2 TCF B2 | Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2 | HSK Bậc 4 | JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600) | TOPIK II (Bậc 4) |